

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 12/2025

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	001	Nguyễn Thanh	Duy	CĐKS27N23	50.5	57.0	93.0	66.8	6.68
2	002	Nguyễn Thị Hoài	Thu	CĐKS27N23	58.5	59.5	66.0	61.3	6.13
3	003	Lê Tâm	Như	CĐKS27N36	50.0	55.0	88.0	64.3	6.43
4	004	Nguyễn Quốc Lê	Duy	CĐKS28N07	48.5	66.5	79.0	64.7	6.47
5	005	Trương Thị Ngọc	Hương	CĐKS28N07	72.5	68.0	90.0	76.8	7.68
6	006	Nguyễn Minh	Nhật	CĐKS28N07	43.5	23.0	61.5	42.7	4.27
7	007	Lê Thị Anh	Thư	CĐKS28N07	31.0	80.0	83.0	64.7	6.47
8	008	Bùi Ngọc	Sang	CĐKS28N08	47.0	64.0	69.5	60.2	6.02
9	009	Đoàn Minh	Thư	CĐKS28N09	23.5	70.5	89.0	61.0	6.10
10	010	Lê Hoàng Thứ	Uyên	CĐKS28N09	54.5	75.5	65.5	65.2	6.52
11	011	Nguyễn Ngọc Diễm	Châu	CĐKS28N11	68.0	58.5	88.0	71.5	7.15
12	012	Tạ Thị Bảo	Ngọc	CĐKS28N11	57.0	62.5	94.0	71.2	7.12
13	013	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CĐKS29N01	48.0	79.5	82.5	70.0	7.00
14	014	Đoàn Ngọc Phương	Anh	CĐKS29N02	54.5	61.0	91.0	68.8	6.88
15	015	Phạm Thế	Anh	CĐKS29N02	63.5	64.0	84.5	70.7	7.07

Tổng số sinh viên: 15

Vắng mặt: 0

Hiện diện: 15

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 12/2025

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	016	Nguyễn Chí	Linh	CĐKS29N02	51.0	71.0	83.0	68.3	6.83
2	017	Lê Thị Kiều	My	CĐKS29N03	60.5	93.1	78.0	77.2	7.72
3	018	Nguyễn Trung	Trúc	CĐKS29N03	24.5	84.0	77.0	61.8	6.18
4	019	Mai Tuấn	Đạt	CĐKS29N04	54.0	73.5	85.0	70.8	7.08
5	020	Nguyễn Võ Tuấn	Kiệt	CĐKS29N05	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00
6	021	Tô Thị Phương	Lan	CĐKS29N05	38.5	62.0	77.5	59.3	5.93
7	022	Trần Huỳnh Thảo	Nhi	CĐKS29N05	53.5	54.6	71.5	59.9	5.99
8	023	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	CĐKS29N06	62.0	76.5	62.5	67.0	6.70
9	024	Lý Phạm Hương	Giang	CĐKS29N06	64.0	64.0	64.5	64.2	6.42
10	025	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	CĐKS29N06	72.0	71.0	61.0	68.0	6.80
11	026	Nguyễn Bình Yên	Nhi	CĐKS29N06	61.5	59.5	35.5	52.2	5.22
12	027	Lê Huỳnh	Như	CĐKS29N06	21.0	57.5	58.0	45.5	4.55
13	028	Nguyễn Hữu	Phát	CĐKS29N06	28.0	62.5	96.0	62.2	6.22
14	029	Hà Thị Thanh	Thảo	CĐKS29N07	54.5	79.0	100.0	77.8	7.78
15	030	Lê Quốc	Hùng	CĐKS29N08	68.5	79.0	88.5	78.7	7.87

Tổng số sinh viên: 15

Vắng mặt: 01

Hiện diện: 14

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 12/2025

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	031	Lê Anh	Thư	CĐKS29N08	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00
2	032	Phan Thanh	Bình	CĐKS29N09	52.5	40.5	81.5	58.2	5.82
3	033	Nguyễn Trịnh Thảo	Nguyên	CĐKS29N10	50.0	82.0	88.5	73.5	7.35
4	034	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	CĐKS29N10	54.5	57.5	92.0	68.0	6.80
5	035	Nguyễn Ngô Nhựt	Linh	CĐKS29N11	63.5	62.1	93.0	72.9	7.29
6	036	Hoàng Lăng Thu	Thảo	CĐKS29N11	63.5	74.5	74.0	70.7	7.07
7	037	Nguyễn Thị Phương	Mai	CĐKS29N12	53.0	80.0	57.0	63.3	6.33
8	038	Phan Thị	Mùi	CĐKS29N13	77.5	57.6	58.5	64.5	6.45
9	039	Lê Nguyễn Thanh	Lam	CĐKS29N14	72.0	78.1	82.5	77.5	7.75
10	040	Trương Nguyễn Diệu	Linh	CĐKS29N15	65.0	61.5	78.0	68.2	6.82
11	041	Nguyễn Trung	Tiến	CĐKS29N15	53.5	77.0	86.0	72.2	7.22
12	042	Trần Hữu	Trung	CĐKS29N15	66.0	36.5	81.5	61.3	6.13
13	043	Phạm Lê Thùy	Linh	CĐKS30N01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00
14	044	Nguyễn Hoàng Tâm	Nguyên	CĐKS30N01	42.0	74.0	79.5	65.2	6.52
15	045	Vũ Nguyễn Nhật	Tân	CĐKS30N01	42.0	53.6	77.0	57.5	5.75

Tổng số sinh viên: 15

Vắng mặt: 02

Hiện diện: 13

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 12/2025

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	046	Trương Quang	Thành	CĐKS30N01	87.5	81.1	94.0	87.5	8.75
2	047	Nguyễn Mạnh	Trí	CĐKS30N01	38.0	77.6	90.0	68.5	6.85
3	048	Nguyễn Hiếu	Nhi	CĐKS29N12	52.5	78.5	93.5	74.8	7.48
4	058	Vũ Lê Mỹ	Anh	CĐKS27N10	54.5	67.1	85.0	68.9	6.89
5	049	Tiêu Ngọc Thùy	An	CĐKS29N04	73.0	77.0	69.0	73.0	7.30
6	050	Đỗ Trần Quang	Nhật	CĐKS29N15	0.0	0.0	78.0	26.0	2.60
7	051	Ngô Nguyễn Hạnh	Vi	CĐKS29N06	67.5	50.5	60.5	59.5	5.95
8	052	Nguyễn Trung	Kiên	CĐKS29N10	54.0	54.0	71.5	59.8	5.98
9	053	Trần Nguyễn Bảo	Nhi	CĐKS29N14	65.5	73.0	82.5	73.7	7.37
10	054	Nguyễn Tùng	Bách	CĐKS27N17	50.0	18.1	57.5	41.9	4.19
11	055	Phạm Thành	Phát	CĐKS28N07	68.0	54.6	73.5	65.4	6.54
12	056	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CĐKS29N05	50.5	62.5	66.5	59.8	5.98
13	057	Nguyễn Minh	Huy	CĐKS29N09	54.0	72.0	65.5	63.8	6.38

Tổng số sinh viên: 13

Vắng mặt: 01

Hiện diện: 12